TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2026/DS-ST
Ngày: 28-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Minh Chí
Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Biện Tiểu Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà H có mặt; bà L, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 10-11-2022, bà Võ Thị L cùng con là ông Tạ Văn T có đến nhà và vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Việc vay mượn lập thành văn bản có tiêu đề là Giấy xác nhận nợ. Theo đó, các thông tin người vay, số tiền vay, thời hạn vay do bà H điền vào mẫu in sẵn. Bà L ghi nội dung *"Số tiền nói trên đúng là sự thật, tôi và con tôi là Tạ Văn T là sự thật"* và bà L ký, ghi họ tên và in dấu vân tay vào giấy xác nhận nợ nói trên. Bà xác định thời hạn vay tính từ ngày 10-11-2022, do nhầm lẫn nên bà có ghi nội dung ngày 30-4DL vào giấy xác nhận nợ. Bà trực tiếp giao cho bà L số tiền 100.000.000 đồng tiền

mặt. Thời điểm đó, ông T là con bà L cũng có mặt, nhưng do sơ suất, không kiểm tra lại nên trong giấy vay tiền nêu trên không có chữ ký và in dấu vân tay của ông T.

Hết thời hạn vay, bà nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng đến nay bà L, ông T vẫn chưa thanh toán được cho bà bất kì khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà L và ông T chịu trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10-11-2022 đến ngày xét xử là 82.000.000 đồng (với lãi suất là 2%/tháng), bà chỉ yêu cầu tính tiền lãi là 82.000.000 đồng, không tính thêm từ ngày 14-6-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà yêu cầu tính một mức lãi suất như lãi suất cho vay trong hạn là 2%/tháng. Sau khi xét xử, bà chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật, thời hạn tính từ ngày bà có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà L, ông T thanh toán xong. Bà xác định ông T cùng đến vay tiền với bà L, nên ông T phải có trách nhiệm cùng bà L thanh toán cho bà.

Bị đơn – bà Võ Thị L trình bày: Bà có vay của bà H số tiền là 30.000.000 đồng, một tháng trả lãi là 3.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà chỉ nói khi nào có khả năng thì thanh toán, không hẹn ngày trả. Bà có thanh toán cho bà H được 19.000.000 đồng tiền lãi, không nhớ thời gian cụ thể thanh toán, bà trả lãi cho bà H tại nhà bà H, không lập biên bản giao nhận. Từ đó đến nay, bà chưa có khả năng thanh toán cho bà H. Khi vay tiền, chỉ một mình bà đứng ra vay tiền của bà H, con của bà là ông T không tham gia, không có vay tiền của bà H. Đến ngày 10-11-2022, bà H đến nhà bà và yêu cầu bà ký tên vào Giấy xác nhận nợ, bà H đọc nội dung *"Số tiền nói trên đúng là sự thật tôi và con tôi là Tạ Văn T đúng là sự thật"* yêu cầu bà viết vào, bà ký tên, ghi họ tên và in dấu vân tay xác nhận vào tờ giấy trên. Thời điểm này, ông T không có ở nhà. Giấy xác nhận nợ ngày 10-11-2022 mà bà H cung cấp cho Tòa án đúng là Giấy xác nhận nợ bà đã ghi và ký tên, in dấu vân tay vào. Vì đang thiếu nợ nên bà ghi và ký tên theo yêu cầu của bà H. Thực tế chỉ có cá nhân bà mượn tiền của bà H, các con của bà không tham gia. Do đó, bà H yêu cầu bà cùng ông T thanh toán 100.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi phát sinh, bà không đồng ý, hiện bà không có khả năng thanh toán cho bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã P, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; ông Tạ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà L và ông T.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị L và ông Tạ Văn T liên đới thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 10-11-2022 đến ngày 14-6-2026 là 82.000.000 đồng (lãi suất 2%/tháng).

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện có cung cấp một Giấy xác nhận nợ ghi ngày 10-11-2022, ghi nhận số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, không ghi lãi suất. Bà Lũy thừa N có ký tên, in dấu vân tay vào Giấy xác nhận nợ nêu trên. Các bên xác định trong Giấy vay tiền nêu trên không có chữ ký, dấu vân tay của ông T.

Bà Võ Thị L xác định cá nhân bà có vay tiền của bà H, nhưng chỉ vay số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà đã thanh toán được 19.000.000 đồng tiền lãi. Bà H không thừa nhận lời trình bày của bà L, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày trên.

Qua đó, có cơ sở xác định giao dịch giữa bà H và bà L là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Các bên tham gia giao dịch chỉ có bà H và bà L. Bà H cho rằng ông T có tham gia, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, không có cơ sở xác định ông T cùng với bà L vay tiền của bà H.

Căn cứ vào Giấy xác nhận nợ ngày 10-11-2022 có cơ sở xác định số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, không có cơ sở xác định là 30.000.000 đồng như lời trình bày của bà L. Bà H xác định từ khi vay tiền đến nay, bà L chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Bà L cho rằng đã thanh toán 19.000.000 đồng tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán 100.000.000 đồng tiền vốn vay là có cơ sở chấp nhận, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông T cùng bà L liên đới thanh toán.

Về tiền lãi: Bà H và bà L đều xác định giao dịch vay tiền có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, bà H cho rằng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Bà L cho rằng là 10%/tháng. Bà H và bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mức lãi suất thỏa thuận này. Hơn nữa, hai mức lãi suất này đều cao hơn so với mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần điều chỉnh mức lãi suất đã thoả thuận về bằng mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Không có cơ sở xác định bà L đã thanh toán được số tiền lãi là 19.000.000 đồng nên không có cơ sở xác định số tiền lãi đã đóng có vượt quá mức lãi suất quy định hay không. Bà H chỉ yêu cầu tính tiền lãi trong thời gian từ ngày 10-11-2022 đến ngày 14-6-2026, không yêu cầu xem xét đến thời điểm xét xử hoặc sau xét xử. Do đó, số tiền lãi mà bà L còn nợ và có trách nhiệm thanh toán cho bà H là (100.000.000 đồng x 20%/năm x 03 năm 07 tháng 04 ngày =) 75.961.644 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà L có trách nhiệm thanh toán cho bà H là 175.961.644 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nên bị đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15; các điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bà Võ Thị L.

Bà Võ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 175.961.644 đồng bao gồm 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 75.961.644 đồng tiền nợ lãi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Tạ Văn T chịu trách nhiệm liên đới với bà Võ Thị L thanh toán số tiền nêu trên cho bà H.

3. Về án phí: Bà Võ Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định nên không phải nộp án phí.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An